

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-01-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khúc Thị Minh;

Bà Phan Thị Minh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đắc H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đắc H tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/9/2014

(Giấy chứng nhận kết hôn số 58). Tháng 10 năm 2020, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh H ham chơi bài bạc, vợ chồng không tin tưởng nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình, từ đó thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Đắc Gia H1, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015; Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2016 đang do anh H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh H, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2021, anh Nguyễn Đắc H trình bày thống nhất với chị N về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng từ đầu tháng 6 năm 2021 do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin trong làm ăn kinh tế, xây dựng gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 6 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị N đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên. Ngoài ra chị trình bày: Chị làm công nhân may mặc, thu nhập trung bình từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên về thời gian làm việc thường xuyên chị phải đi sớm về tối; về chỗ ở, chị đang chung sống cùng bố mẹ đẻ, ông bà nội và em nhỏ trong cùng ngôi nhà của bố mẹ chị xây dựng, trong đó ông bà nội là những người cao tuổi, không còn khả năng lao động, cần sự phục dưỡng của bố mẹ chị. Nếu chị trực tiếp nuôi dưỡng các con sẽ không nhận được sự giúp đỡ của người thân trong gia đình, như vậy cuộc sống của các cháu không được đảm bảo về mọi mặt; chị

xác định không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con, không có khả năng chăm sóc các con. Đối với anh H là người có sức khỏe bình thường, làm nghề tự do, có chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của bố mẹ để anh H nên việc chăm sóc các cháu sẽ tốt hơn; mặt khác các cháu đang được anh H và gia đình chăm sóc rất tốt. Vì vậy chị tự nguyện giao cả hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H, mỗi con 1.500.000 đồng/ 1 tháng.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn anh vẫn giữ nguyên nội dung, yêu cầu như lời khai ngày 20/12/2021.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N; cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đắc H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đắc Gia H1, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2016 cho anh Nguyễn Đắc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi cháu 1.500.000 đồng/1 tháng.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### - Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Đắc H có đăng ký kết hôn từ năm 2014. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị N về nhà mẹ đẻ ở tại xã K1, huyện Kiến Thụy; anh H vẫn cư trú tại xã T, huyện K. Tháng 11 năm 2021 chị N nộp đơn xin ly hôn anh H và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Đắc H (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

### - Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N xin ly hôn anh H; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Đắc H là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2020, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong việc làm kinh tế gia đình, anh H ham chơi bài bạc, không quan tâm đến chị N, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 6 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Yêu cầu xin ly hôn của chị N có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của anh H tại biên bản lấy lời khai và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Đắc Gia H1, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015, Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2016 đang do anh H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị N và anh H đều có nguyện vọng thống nhất anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã T thì anh H làm nghề bả sơn, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, từ khi chị N bỏ về mẹ đẻ ở, anh H chăm sóc các cháu rất tốt. Do đó cần giao cháu H1, cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; tuy anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nhưng chị

N làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và chị tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi cháu 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đắc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đắc Gia H1, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2016 cho anh Nguyễn Đắc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi cháu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Đắc H mà chị Vũ Thị N chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001618 ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Đắc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Diệu**